

TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - ĐÔNG VĂN HÀ NAM

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hà Nam, Ngày 09 tháng 12 năm 2020

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG-ĐỒNG VĂN HÀ NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 có hiệu lực ngày 01/7/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 có hiệu lực ngày 01/7/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Công ty cổ phần Tân Cảng – Đồng Văn Hà Nam được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ những vấn đề về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tân Cảng – Đồng Văn Hà Nam.



CHƯƠNG I GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) "*Việt Nam*" là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- b) "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- c) "*Công ty*" là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam;
- d) "*Vốn điều lệ*" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và được quy định tại Điều 8 Điều lệ này;
- đ) "*Ngày thành lập công ty*" là ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- e) "*Pháp luật*" là các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành theo quy định của Luật Ban hành Văn bản Quy phạm pháp luật (bao gồm cả văn bản pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chúng);
- g) "*Người quản lý công ty*" bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ này;
- h) "*Người có liên quan*" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với công ty trong các trường hợp được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
- i) "*Đại hội đồng cổ đông*" gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty;
- j) "*Hội đồng quản trị*" (HĐQT) là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- k) "*Ban kiểm soát*" là Ban kiểm soát của công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định pháp luật và Điều lệ này;

l) "*Cổ phần phổ thông*" là một đơn vị vốn điều lệ của Công ty có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (mười nghìn đồng) và cho phép người nắm giữ có các quyền theo quy định của Điều lệ này;

m) "*Cổ tức*" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;

n) "*Cổ đông*" là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty đã được phát hành và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty;

o) "*Đơn vị trực thuộc*" bao gồm Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

"*Chi nhánh*" là đơn vị phụ thuộc của công ty, được thành lập hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của công ty kể cả chức năng theo ủy quyền. Ngành nghề kinh doanh của Chi nhánh phù hợp với ngành nghề kinh doanh của công ty;

"*Văn phòng đại diện*" là đơn vị phụ thuộc của công ty, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của công ty và bảo vệ các lợi ích đó;

"*Địa điểm kinh doanh*" là nơi mà doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể. Địa điểm kinh doanh có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính;

p) Công ty con là doanh nghiệp thuộc các trường hợp sau: (a) Công ty sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp đó; (b) Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó, thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc (ii) quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp đó; hoặc (iii) các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

q) "*Quy chế quản trị công ty*" là quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để quy định về việc quản trị, điều hành công ty phù hợp với quy định pháp luật tại từng thời điểm;

r) "*Địa bàn kinh doanh*" là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam;

s) "*Đầu tư ra ngoài công ty*" là việc sử dụng vốn của công ty đầu tư, góp vốn để thành lập pháp nhân mới hoặc các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật;

t) "*Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn*" là Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn viết tắt TCT TCSG;

u) “*Người đại diện phần vốn*” là Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác;

2. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng để tiện cho việc hiểu và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

3. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự; Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II
TÊN GỌI, TRỤ SỞ, HÌNH THỨC, MỤC TIÊU, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP
LUẬT VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Điều 2. Tên, hình thức và trụ sở của công ty

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - ĐỒNG VĂN HÀ NAM**

- Tên tiếng Anh : **TAN CANG - DONG VAN HA NAM JOINT STOCK COMPANY.**

- Tên giao dịch : **TAN CANG-DONG VAN HA NAM**

2. Tên viết tắt : TCHN

3. Trụ sở :

- Địa chỉ trụ sở chính: **Khu công nghiệp Đồng Văn III, Thị Xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam**

- Điện thoại : Fax:

- Email : **tchn@saigonnewport.com.vn** Website:

4. Công ty có thể thành lập Đơn vị trực thuộc; chia, tách và chuyển đổi Đơn vị trực thuộc tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của công ty phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân

1. Hình thức tổ chức:

a) Công ty có vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;

b) Công ty cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận

đăng ký doanh nghiệp.

2. Công ty cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam có:

a) Có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan;

b) Có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty con và công ty liên kết trong phạm vi số vốn do công ty đầu tư;

c) Quyền sở hữu đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng riêng của công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật

1. Công ty cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam có 01 (một) Người đại diện theo pháp luật.

a) Giám đốc công ty là Người đại diện theo pháp luật.

b) Người đại diện theo pháp luật thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án; các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty;

b) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về việc người đại diện theo pháp luật và người có liên quan với người đại diện theo pháp luật làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác;

c) Trung thành với lợi ích của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

3. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh

1. Mục tiêu:

Mục tiêu hoạt động của công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận có thể có được của công ty cho cổ đông và cải thiện nâng cao giá trị của công ty, điều kiện môi trường làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong công ty, bảo đảm lợi ích cho các cổ đông, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước đúng quy định. Hoàn thành tốt các nhiệm vụ kinh tế, quốc phòng được TCT TCSG giao.

2. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác và thu gom than cứng	0510
2	Khai thác và thu gom than non	0520
3	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
4	Khai thác quặng sắt	0710
5	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
6	Khai thác quặng kim loại không chứa sắt Chi tiết: khai thác quặng bô xít	0722
7	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
8	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
9	Khai thác và thu gom than bùn	0892
10	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, khoáng chất, grafit tự nhiên, đá quý, bột thạch anh, mica	0899
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
12	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
13	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
14	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
15	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420

16	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
17	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	2592
18	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất container	2920
19	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy kéo chuyên dùng	2829
20	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
21	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
22	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
23	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ mô tô, xe máy) -Chi tiết: sửa chữa, đóng mới container, rơ-mooc (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3310
24	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
25	Tái chế phế liệu	3830
26	Xây dựng nhà các loại	4102
27	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Công trình cảng biển, đường thủy, bến cảng, đường sông, cảng du lịch, cửa cống, đập và đê	422
28	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác -Chi tiết: Công trình công nghiệp, Xây dựng, sửa chữa công trình dân dụng	429
29	Phá dỡ	4311
30	Chuẩn bị mặt bằng -Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312

31	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
32	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
33	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
34	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa -Chi tiết: Đại lý xăng dầu, môi giới	4610
35	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
36	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ Chi tiết: Bán buôn gạo	4631
37	Bán buôn thực phẩm	4632
38	Bán buôn đồ uống	4633
39	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác -Chi tiết: bán buôn phương tiện, thiết bị xây dựng công trình thủy bộ; phương tiện, thiết bị xếp dỡ, vận chuyển; bán buôn máy móc thiết bị phục vụ cảng biển. Máy móc thiết bị và phụ tùng khai khoáng; Máy móc thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị chuyên dùng trong mạch điện); máy móc thiết bị y tế; Máy móc, thiết bị cứu sinh, cứu hỏa, cứu nạn hàng hải; Người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; Máy công cụ cho mọi loại vật liệu; Máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Thiết bị đo lường; Máy móc, thiết bị và phụ tùng văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
40	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng lpg và dầu nhớt cặn)	4661

41	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
42	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: tre, nứa, gỗ cây, gỗ chế biến, xi măng, gạch xây dựng, ngói, đá, cát sỏi, kính xây dựng, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim	4663
43	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu -Chi tiết: bán buôn container, rơ-mooc phân bón, chất dẻo dạng cao su, cao su, tơ, xơ, sợi dệt, bột giấy đá quý, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, phương tiện thủy, cấu kiện kim loại	4511
44	Bán buôn tổng hợp	4690
45	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
46	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
47	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
48	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
49	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi	4752
50	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
51	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. -Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô	4933
52	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011

53	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
54	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa -Chi tiết kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa	5022
55	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá	5210
56	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5225
57	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
58	Bốc xếp hàng hoá	5224
59	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải -Chi tiết: Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, Dịch vụ cung ứng tàu biển, Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Dịch vụ khai thuê Hải quan; Dịch vụ logistics; Dịch vụ ICD, Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế; Hoạt động đại lý bán vé máy bay; Hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan; Dịch vụ vệ sinh container	5229
60	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
61	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê -Chi tiết: kinh doanh bất động sản, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	6810
62	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe ô tô, xe cầu, xe nâng	7710
63	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển -Chi tiết: cho thuê phương tiện, thiết bị xây dựng công trình thủy bộ; phương tiện, thiết bị, xếp dỡ, vận chuyển	7730

64	Hoạt động của trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
65	Cung ứng quản lý nguồn lao động	7830
66	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
67	Dịch vụ đóng gói -Chi tiết: dịch vụ kiểm đếm, đóng gói hàng hóa (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
68	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa	8299
69	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Đào tạo trung cấp	8532

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của công ty đã được công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của công ty. —

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 7. Tổ chức chính trị - xã hội trong công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và điều kiện cần thiết khác để các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội tại công ty hoạt động theo quy định của pháp luật

CHƯƠNG III VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

Điều 8. Vốn điều lệ, cổ phần và cơ cấu cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam là: **100.000.000.000 đồng** ((một trăm tỷ đồng)

- Tổng số vốn Điều lệ của công ty được chia thành: 10.000.000 cổ phần (Mười triệu cổ phần).
- Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 đồng (mười nghìn đồng).
- Cơ cấu góp vốn cụ thể như sau:

Stt	Họ tên cổ đông sáng lập	Tổng số cổ phần		Loại cổ phần phổ thông		Tỷ lệ (%)
		Số lượng	Giá trị (VNĐ)	Số lượng	Giá trị (VNĐ)	
1	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn	5.100.000	51.000.000.000	5.100.000	51.000.000.000	51
2	Công ty CP Đầu tư Phát triển Thành Đạt	3.900.000	39.000.000.000	3.900.000	39.000.000.000	39
3	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Nam Hà Nội	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	10
TỔNG CỘNG		10.000.000	100.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000	100

2. Điều chỉnh vốn Điều lệ: Công ty có thể điều chỉnh vốn Điều lệ tăng, giảm hoặc thay đổi cơ cấu tùy theo tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng thời kỳ. Việc tăng, giảm và thay đổi cơ cấu vốn Điều lệ phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 9. Cổ phần

1. Tất cả các loại cổ phần được phát hành lần đầu của công ty đều là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

Trong quá trình hoạt động, công ty có thể phát hành thêm các cổ phần ưu đãi theo quy định tại Điều 113, 116, 117 và 118 Luật Doanh nghiệp theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần (gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi) sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Cổ phần phổ thông phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu 20 (hai mươi) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông hoặc người được cổ đông chuyển quyền ưu tiên mua không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

4. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

5. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 10. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ

phiếu có các nội dung chủ yếu được quy định rõ trong khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 90 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông phải báo ngay cho công ty và có quyền đề nghị công ty cấp lại cổ phiếu đó. Cổ đông phải nộp lệ phí cấp lại cổ phiếu theo quy định của công ty.

Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

a) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ nộp công ty để tiêu hủy theo quy định;

b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Việt Nam đồng, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua Người đại diện được ủy quyền dự họp hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 Luật Doanh nghiệp 2014.

d) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà cổ đông sở hữu;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp 2014;

i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014;

c) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau đây:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.
2. Chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.
3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của công ty.
4. Chấp hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo vệ tài sản, lợi ích và bí mật về hoạt động của công ty.
6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 13. Quy định về sổ đăng ký cổ đông, mua bán cổ phần, thanh toán cổ tức

Các quy định về sổ đăng ký cổ đông, việc mua bán, chuyển nhượng, thừa kế, mua lại cổ phần, thanh toán cổ tức được thực hiện theo quy định của luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

CHƯƠNG IV CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ MỤC 1. CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 14. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam gồm có:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Giám đốc.

MỤC 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan

quyết định cao nhất của công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch ngân sách hằng năm và kế hoạch 05 (năm) năm của công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua nghị quyết các vấn đề sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

d) Quyết định và chịu trách nhiệm thông qua:

d1. Dự án đầu tư ra ngoài công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của công ty tại thời điểm quyết định đầu tư;

d2. Dự án đầu tư, nâng cấp, xây dựng; hợp đồng mua tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định thông qua dự án hoặc hợp đồng;

d3. Quyết định từng hợp đồng cho vay, phương án huy động vốn có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của công ty tại thời điểm quyết định thông qua hợp đồng;

d4. Những hợp đồng cho thuê, phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng nguyên giá tài sản cố định được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định thông qua;

d5. Những hợp đồng thuê tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định thuê;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty;

- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm được kiểm toán;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Thông qua ngành nghề kinh doanh của công ty;
- i) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- j) Quyết định tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty), giải thể (chấm dứt hoạt động) công ty;
- k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Cổ đông không được tham gia biểu quyết trong các trường hợp sau đây:

- a) Các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm d khoản 3 Điều này khi cổ đông hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định pháp luật.

5. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 17. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định theo khoản 4 Điều 15 Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 18. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

Cổ đông là tổ chức có quyền cử 01 (một) hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Cổ đông sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 03 (ba) người đại diện.

Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện, nếu không xác định cụ thể số cổ phần tương ứng cho mỗi đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo ngay bằng văn bản đến công ty.

Điều 19. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 36% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã

được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Việc bầu Ban kiểm phiếu được biểu quyết bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết hoặc hình thức giơ tay theo nguyên tắc nhất trí quá bán.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Diễn biến Đại hội phải được ghi chép vào sổ biên bản có chữ ký của Chủ tọa, thư ký. Các trích lục biên bản đại hội phải có chữ ký của chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc hai ủy viên Hội đồng quản trị.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự họp, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 21. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 15 Điều lệ này bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;

b) Định hướng phát triển công ty;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

đ) Quyết định thông qua các vấn đề quy định tại điểm d khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

g) Tổ chức lại, giải thể (chấm dứt hoạt động) công ty.

Điều 22. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Những nội dung tại điểm đ, điểm e khoản 2 Điều 21 Điều lệ này;
- đ) Gia hạn hoạt động của công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua hoặc có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích công ty.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Các vấn đề đã được thông qua;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc đăng tải trên website của công ty.

7. Các phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Sổ cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục và danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với sổ cổ phần và sổ phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ này.

Điều 26. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

MỤC 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của công ty; giám sát và chỉ đạo toàn bộ hoạt động quản trị, kinh doanh của công ty trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch ngân sách hằng năm và kế hoạch 05 (năm) năm của công ty;

b) Đề xuất, kiến nghị các vấn đề sau để Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua:

- Định hướng mục tiêu phát triển của công ty;
- Phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- Loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- Mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- Việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị công ty;

c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó. Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm không được trái với quy định của pháp luật, các văn bản quy định có liên quan;

- Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm được Hội đồng quản trị tổ chức họp biểu quyết thông qua và được thể hiện bằng văn bản nghị quyết của Hội đồng quản trị;

- Nhiệm kỳ của những người quản lý nêu trên là 5 (năm) năm, có thể được bổ nhiệm lại theo quy định;

h) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành doanh nghiệp hoặc phân công Chủ tịch hội đồng quản trị thực hiện;

i) Quyết định thông qua và chịu trách nhiệm thông qua:

11. Dự án đầu tư ra ngoài công ty có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của công ty tại thời điểm quyết định đầu tư;

12. Dự án đầu tư, nâng cấp, xây dựng; hợp đồng mua tài sản cố định có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định phê duyệt dự án;

13. Các hợp đồng mua hàng hoá, dịch vụ đảm bảo sản xuất, kinh doanh thường xuyên có giá trị trên 500 (năm trăm) triệu đồng;

14. Từng hợp đồng cho vay có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của công ty tại thời điểm quyết định thông qua hợp đồng;

15. Phương án huy động vốn có giá trị trên 01 tỷ đồng đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định huy động vốn;

16. Những hợp đồng cho thuê tài sản cố định có thời hạn trên 12 tháng hoặc giá trị trên 01 (một) tỷ đồng đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng nguyên giá tài sản cố định được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định hợp đồng; quyết định thông qua các hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất, tài sản gắn trên đất, thuê hạ tầng cơ sở của công ty;

17. Những hợp đồng thuê tài sản cố định có thời hạn trên 12 tháng hoặc giá trị trên 01 (một) tỷ đồng cho đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định hợp đồng thuê; quyết định thông qua các hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, tài sản gắn trên đất hoặc hạ tầng cơ sở.

18. Phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng nguyên giá tài sản cố định được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tại thời điểm quyết định phương án.

Các Quyết định quy định tại điểm i khoản 2 Điều này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp, và phương án thanh lý tài sản khi giải thể công ty quy định tại Điều 61 Điều lệ này;

j) Quyết định cơ cấu tổ chức của công ty, việc thành lập các Đơn vị trực thuộc và việc góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác;

k) Quyết định việc thành lập các công ty con, góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác theo thẩm quyền hoặc được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận quy định tại Điều 58 Điều lệ này; thực hiện cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật người đại diện phần vốn hoặc đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên hoặc Đại hội đồng cổ đông tại các công ty đó, thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát, chỉ đạo, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Quyết định ban hành Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua. Ban hành hoặc giao cho Giám đốc công ty ban hành các quy chế quản lý nội bộ điều hành công ty thuộc thẩm quyền;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định;

n) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

o) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

p) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc công ty;

q) Đình chỉ quyết định của Giám đốc công ty nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ này, nghị quyết hoặc các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc để hạn chế tổn thất;

r) Được sử dụng tài sản, con dấu của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

s) Công khai lợi ích. Một thành viên Hội đồng quản trị mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng, giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với công ty sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng, giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết mình có lợi ích trong đó hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên

của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan;

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy chế quản lý nội bộ công ty quy định (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập Đơn vị trực thuộc của công ty, và thành lập công ty con, công ty liên doanh, liên kết;

b) Chỉ định và bãi nhiệm những người được công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của công ty;

c) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của công ty với mức giá trị được quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản lý tài chính của công ty;

d) Biểu giá dịch vụ (mua, bán), định mức chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và trường hợp có chênh lệch tăng, giảm từ 10% (mười phần trăm) trở lên so với biểu giá dịch vụ (mua, bán), định mức chi phí liên quan đã phê duyệt, thông qua;

đ) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài; Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của công ty;

e) Việc định giá tài sản góp vào công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

g) Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% (mười phần trăm) mỗi loại cổ phần.

4. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 khoản 3 Điều này và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 và khoản 1 khoản 3 Điều 40 Điều lệ này phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty nếu thấy các hợp đồng đó trái với Nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, HĐQT, vi phạm các quy định của Điều lệ công ty, vi phạm pháp luật.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và người quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông thì báo cáo tài chính năm của công ty bị coi là không có giá trị.

6. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy

định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một (01) năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 28. Ứng cử, đề cử, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng, thành viên Hội đồng quản trị.

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị 05 người; gồm Chủ tịch và 04 (bốn) thành viên, trong đó:

- Số người do Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn đề cử: 02 (hai) người, gồm 01 (một) chức danh Chủ tịch và 01 (một) chức danh Giám đốc.

- Số người do các cổ đông còn lại đề cử: 03 (ba) người

b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 5 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trên cơ sở quy định của pháp luật, các cổ đông sáng lập công ty hoặc các cổ đông nắm giữ cổ phần công ty thống nhất biên bản thỏa thuận góp vốn và cơ cấu quản lý điều hành công ty, số lượng đề cử giới thiệu thành viên Hội đồng quản trị công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách do TCT TCSG đề cử giới thiệu.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên mới được bầu là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và là cổ đông của công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên tại quá 03 (ba) công ty khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

45/

Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của không quá 02 (hai) công ty khác.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Thay mặt Hội đồng quản trị hoặc theo phân công của Hội đồng quản trị ký các nghị quyết/quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- đ) Ký quyết định bổ nhiệm các chức danh nhân sự giúp việc chuyên trách hoặc kiêm nhiệm cho Hội đồng quản trị công ty, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, và đề nghị Giám đốc quyết định tiền lương, phụ cấp, quyền lợi khác của các chức danh này;
- e) Giám sát, theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- g) Thay mặt Hội đồng quản trị giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc, sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty và các công việc khác theo phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị;
- h) Có quyền tham dự các cuộc giao ban, cuộc họp do Ban Giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp;
- i) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của công ty và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- j) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm đình chỉ những quyết định của Giám đốc công ty nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ công ty hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty, sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị để có quyết định chính thức về việc đình chỉ hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ đó trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;
- k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Điều lệ công ty và các Quy chế nội bộ của công ty quy định (nếu có).

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một (01) thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không còn khả năng làm việc được thì trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày công ty nhận được văn bản xin từ chức hoặc kể từ ngày Hội đồng quản trị thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thủ tục bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo khoản 1 Điều 31 Điều lệ này.

5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký hoặc bổ nhiệm kiêm nhiệm chức danh thư ký công ty để hỗ trợ hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

6. Chủ tịch điều hành Hội đồng quản trị công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ công ty quy định và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành Hội đồng quản trị công ty trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Điều 31. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một số người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý của công ty;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ đã đăng ký với công ty của từng thành viên Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 32. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài (nếu cần thiết), có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 33. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu, Giám đốc và người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

3. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin:

a) Cung cấp thông tin, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này theo định kỳ tháng, quý, năm do Hội đồng quản trị quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty;

b) Cung cấp thông tin, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này theo yêu cầu đột xuất, thực hiện như sau:

Các văn bản yêu cầu cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị ký, trừ trường hợp có ủy quyền (văn bản yêu cầu theo mẫu công ty ban hành). Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển đến ngay Giám đốc và người quản lý được yêu cầu cung cấp thông tin trong thời gian nhanh nhất có thể;

Giám đốc và người quản lý được yêu cầu gửi thông tin, tài liệu có thể gửi bằng email hoặc thư điện tử theo nội dung văn bản yêu cầu cho thành viên Hội đồng quản trị có yêu cầu; thời gian và yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều này;

Trường hợp Giám đốc và người quản lý được yêu cầu không cung cấp hoặc cung cấp chậm thời gian quy định hoặc cung cấp không đầy đủ mà không báo cáo hoặc có lý do chính đáng thì thành viên Hội đồng quản trị báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị đưa ra Hội đồng quản trị xem xét xử lý theo quy định.

Điều 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 29 Điều lệ này;
- b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Có đơn xin từ chức;

d) Chết, mất quyền công dân, mất năng lực hành vi dân sự, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc kết án tù giam...;

đ) Công ty bị phá sản, giải thể, tổ chức lại;

e) Cổ đông là tổ chức kết thúc hoạt động hoặc có văn bản thay đổi người đại diện theo ủy quyền đang là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều lệ này;

Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);

b) Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

MỤC 4. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 35. Giám đốc công ty

1. Giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị, được Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở giới thiệu của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

Quản lý công ty theo quy định pháp luật, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của công ty; điều hành công ty trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính, các nghị quyết, quyết định đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thông qua.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 Luật Doanh nghiệp.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm lại theo các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày mà không thuộc phạm vi quyết định của Hội đồng quản trị.

Bao gồm thay mặt công ty ký kết hợp đồng, giao dịch, tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh theo những thông lệ tốt nhất; ban hành các nội quy, quy định, định mức nội bộ phục vụ quản lý điều hành công ty thuộc thẩm quyền hoặc được Hội đồng quản trị giao nhiệm vụ.

b) Được quyền quyết định và chịu trách nhiệm các hợp đồng, giao dịch dưới đây. Trên cơ sở phải tính toán cụ thể hiệu quả kinh tế, chắc chắn có lợi nhuận, không được để thua lỗ.

b1. Từng phương án huy động vốn có giá trị đến 01 (một) tỷ đồng. Đối với hợp đồng huy động vốn với các tổ chức, cá nhân không phải là tổ chức hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng phải được Hội đồng quản trị phê duyệt thông qua.

b2. Hợp đồng thuê tài sản, cho thuê tài sản cố định trong thời hạn không quá 12 tháng có giá trị từ 01 (một) tỷ đồng (trừ các hợp đồng thuê tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn trên đất, hạ tầng cơ sở);

b3. Các hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ đảm bảo sản xuất, kinh doanh thường xuyên có giá trị đến 500 (năm trăm) triệu đồng, trường hợp các loại hợp đồng nêu trên phù hợp với biểu giá đã được Hội đồng quản trị phê duyệt thông qua thì Giám đốc công ty được quyền quyết định vượt mức này;

c) Tổ chức thực hiện các dự án, hợp đồng, kế hoạch, phương án sau khi được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thông qua (quy định tại khoản 3 Điều 15, khoản 2 Điều 27 Điều lệ này) theo quy định pháp luật, Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ của công ty;

d) Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính và biểu giá dịch vụ, định mức chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hằng năm. Báo cáo Hội đồng quản trị các Hợp đồng kinh tế thuộc thẩm quyền ký kết để Hội đồng quản trị giám sát và các nội dung khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

đ) Tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, phương án đầu tư đã được Hội đồng quản trị thông qua;

e) Giám đốc công ty có thể ủy quyền bằng văn bản cho các Phó Giám đốc hoặc người quản lý khác thực hiện một số quyền và nghĩa vụ trong phạm vi của Giám đốc;

Khi thực hiện ủy quyền Giám đốc công ty phải báo cáo và gửi kèm văn bản ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị kiểm tra, chấp thuận, giám sát theo dõi. Nội dung, phạm vi ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

g) Kiến nghị Hội đồng quản trị phương án cơ cấu tổ chức công ty, ban hành hoặc chỉnh sửa, bổ sung quy chế quản lý nội bộ của công ty;

h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh điều hành trong công ty; trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và quy định có liên quan;

i) Quyết định tiền lương, tiền thưởng, quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty, những người quy định tại điểm h khoản 4 Điều này và những người thuộc thẩm quyền quản lý của Giám đốc sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị;

j) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ; tuyển dụng lao động, ký Hợp đồng lao động, chấm dứt Hợp đồng lao động và khen thưởng, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, quy chế công ty và của TCT TCSG;

k) Kiến nghị Hội đồng quản trị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

l) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ được giao của cán bộ, nhân viên, người lao động thuộc quyền quản lý trong công ty;

m) Giám đốc có trách nhiệm kịp thời báo cáo, xin ý kiến Hội đồng quản trị về những nội dung phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

n) Thực hiện việc chỉ đạo cơ quan, đơn vị nghiệp vụ công ty kiểm tra, giám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của các công ty con, công ty có cổ phần, vốn góp của công ty, hợp nhất báo cáo tài chính theo quy định và báo cáo Hội đồng quản trị;

o) Thừa ủy quyền Hội đồng quản trị quản lý toàn bộ tài sản của công ty. Được quyền quyết định các biện pháp xử lý vượt thẩm quyền trong các trường hợp khẩn cấp: thiên tai, địch họa, hỏa hoạn và các sự cố khác và chịu trách nhiệm về quyết định này đồng thời báo cáo cho Hội đồng quản trị biết;

p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Hội đồng quản trị và quy chế quản lý nội bộ công ty quy định (nếu có).

5. Trường hợp Giám đốc và những người quản lý khác nhận thấy các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chưa phù hợp thì Giám đốc phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị và có quyền bảo lưu ý kiến bằng văn bản nhưng vẫn phải có trách nhiệm thực thi. Ý kiến bảo lưu được xem xét miễn trừ trách nhiệm đối với các thiệt hại phát sinh (nếu có).

6. Trong trường hợp Giám đốc công ty không có mặt để xử lý các công việc, Hội đồng quản trị sẽ xem xét cử Phó Giám đốc hoặc người quản lý khác thay mặt giải quyết một số công việc trong quyền hạn của Giám đốc. Việc cử này phải được thực hiện bằng quyết định của Hội đồng quản trị.

7. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ công ty hoặc hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

8. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc với ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị tán thành (nếu thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc thì không được biểu quyết) và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.

Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của công ty hoặc TCT TCSG;

b) Do sức khỏe không đảm bảo công tác;

c) Nghi hưu; Hết hạn hợp đồng lao động và không có nhu cầu gia hạn/tái ký hợp đồng;

Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, TCT TCSG;

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động đối với Giám đốc là lao động hợp đồng.

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc

1. Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành công ty theo phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

2. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với thời hạn là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

3. Văn phòng và các phòng, ban hoặc bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương của công ty có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành công ty.

4. Nhiệm vụ cụ thể của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty do Chủ tịch Hội đồng quản trị thống nhất ban hành.

5. Trong quá trình hoạt động, Giám đốc có thể kiến nghị Hội đồng quản trị quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức, biên chế, số lượng và chức năng, nhiệm vụ

của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương cho phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

MỤC 5. TIỀN LƯƠNG VÀ TRÁCH NHIỆM

Điều 37. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý theo kết quả, hiệu quả kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chỉ trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo chính sách thù lao thành viên Hội đồng quản trị của công ty;

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định theo đúng quy định của pháp luật và các quy chế nội bộ công ty.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 38. Công khai các lợi ích liên quan

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ Danh sách nói trên tại các Chi nhánh của công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác được quyền yêu cầu trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản 4 Điều này được tiếp cận trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này;

đ) Trình tự, thủ tục trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện như sau:

Những người quy tại điểm c khoản 4 Điều này bằng văn bản gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người được ủy quyền, yêu cầu được trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

Tại trụ sở chính, trong giờ làm việc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người được ủy quyền có trách nhiệm phê duyệt đồng ý hay không đồng ý vào văn bản yêu cầu và chuyển cho Thư ký Hội đồng quản trị là người có trách nhiệm cung cấp trích lục theo phê duyệt.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

Điều 39. Trách nhiệm của người quản lý công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có các trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ này, các quy chế nội bộ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Hội đồng quản trị;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty;

c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

2. Ngoài các trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này thì Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế quản lý nội bộ công ty quy định.

Điều 40. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị vượt quá thẩm quyền của Giám đốc và Chủ tịch HĐQT được quy định tại Điều lệ và dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo

tài chính gần nhất của công ty. Trong trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải gửi thông báo đến các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan của hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 51% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện ký kết hợp đồng hoặc giao dịch đó, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc người có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

MỤC 6. BAN KIỂM SOÁT

Điều 41. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên, được đề cử theo thỏa thuận của các cổ đông sáng lập công ty hoặc cổ đông góp vốn giới thiệu Đại hội đồng cổ đông bầu; nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu trực tiếp bằng bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.

2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, phân công nhiệm vụ cho các thành viên;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để Ban kiểm soát lập báo cáo trình lên Đại hội đồng cổ đông;
- c) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị nếu xét thấy cần thiết;
- d) Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

3. Trong trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp nhận nhiệm vụ.

Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.
- 3. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.
- 4. Có trình độ chuyên môn phù hợp và tốt nghiệp Đại học trở lên.
- 5. Không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty.
- 6. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

- 1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- 2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính thống nhất, nhất quán và phù hợp trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 44. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 45. Tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên

Tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 46. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty; không được lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Phối hợp chặt chẽ với Phòng chức năng, Phòng Kiểm toán nội bộ công ty mẹ; các báo cáo, tài liệu và việc thực hiện quyền, nhiệm vụ, trách nhiệm của Kiểm soát viên được Phòng chức năng, Phòng Kiểm toán nội bộ công ty mẹ kiểm tra, giám sát, đánh giá.

5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

7. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực thi quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 47. Miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này;

b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát thay thế.

CHƯƠNG V LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

Điều 48. Lao động và tuyển dụng lao động

1. Việc tuyển dụng, sử dụng, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động thực hiện theo Bộ Luật lao động hiện hành, Thỏa ước lao động tập thể công ty và Hợp đồng lao động đã ký giữa Giám đốc công ty (hoặc người được Giám đốc ủy quyền) với Người lao động, và các quy chế quản lý nội bộ công ty quy định.

2. Người đại diện theo pháp luật của công ty có quyền tuyển dụng, ký hợp đồng lao động hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với Người lao động theo nhu cầu hoặc kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty và phù hợp với quy định của Bộ Luật lao động, Quy chế quản lý nội bộ của công ty.

3. Trong quá trình hoạt động, xét thấy cần bổ sung lao động, công ty sẽ tuyển dụng những người có năng lực, trình độ phù hợp và có khả năng hoàn thành công việc mà công ty cần theo Quy chế tuyển dụng, Thỏa ước lao động tập thể hợp pháp của công ty.

Điều 49. Tiền lương

Tiền lương, tiền thưởng và các khoản phụ cấp lương của người lao động được trả theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của Người lao động, phù hợp với quy định của Bộ luật lao động, pháp luật có liên quan và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Điều 50. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động

1. Quyền lợi: Người lao động trong công ty cổ phần được hưởng quyền lợi theo quy định của Điều lệ này, các quy chế quản lý nội bộ công ty quy định, Thỏa ước lao động tập thể hợp pháp của công ty.

Người lao động được hưởng và đảm bảo chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nghĩa vụ: Người lao động phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có nghĩa vụ chấp hành Điều lệ công ty, nội quy kỷ luật lao động hợp pháp của công ty đã đăng ký tại Cơ quan lao động địa phương theo quy định của pháp luật lao động và các quy chế nội bộ khác của công ty phù hợp với quy định pháp luật có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của Người lao động. Đối với những người vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, Giám đốc công ty thực hiện xử lý vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất theo Nội quy kỷ luật lao động của công ty và phù hợp với quy định của pháp luật lao động.

CHƯƠNG VI TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 51. Năm tài chính

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 52. Quyết toán và kế hoạch tài chính

1. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Giám đốc công ty phải lập quyết toán báo cáo tài chính năm và gửi TCT TCSG, cơ quan Nhà nước theo quy định.

2. Trước ngày 30/11 hằng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch tài chính chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

3. Trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc theo đề nghị của Hội đồng quản trị có thể gia hạn nhưng không quá 06 (sáu) tháng kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết toán tài chính cả năm và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính cho năm tiếp theo.

Điều 53. Kế toán, kiểm toán

1. Chế độ kế toán:

a) Công ty sử dụng là chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận;

b) Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, lưu trữ có hệ thống và phải đủ cơ sở dữ liệu để chứng minh và giải trình các giao dịch của công ty;

c) Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

2. Hoạt động kiểm toán:

a) Hằng năm công ty phải thực hiện kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính; Đại hội đồng cổ đông thường niên có nhiệm vụ lựa chọn hoặc chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền Hội đồng quản trị công ty quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị công ty;

Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho công ty phải là những công ty kiểm toán có đủ tiêu chuẩn pháp luật quy định và có năng lực thực hiện.

b) Tuân thủ các kế hoạch thanh tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và phòng Tài chính - Kế toán, phòng Kiểm toán nội bộ của TCT TCSG.

Điều 54. Phân phối lợi nhuận

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận hằng năm của công ty theo quy định của pháp luật.

2. Trên cơ sở mức đề xuất của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông quyết định mức trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và mức chi trả cổ tức.

Điều 55. Trả cổ tức

1. Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận còn lại của công ty sau khi phân phối và trích lập các quỹ. Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức



bằng cổ phiếu. Việc chi trả cổ tức cho cổ đông phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng tài chính của công ty.

3. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên; trình tự, thủ tục thanh toán cổ tức được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

4. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu trong trường hợp cổ đông không thực hiện quyền nhận tiền cổ tức của mình theo đúng thời hạn thông báo.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng.

CHƯƠNG VII

ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT CỦA CÔNG TY

Điều 56. Đơn vị phụ thuộc và công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty

1. Công ty có các đơn vị phụ thuộc, các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty;

2. Công ty có thể thành lập các công ty con, đơn vị phụ thuộc ở trong nước và ở nước ngoài để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của công ty phù hợp với nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 57. Quan hệ giữa công ty với các đơn vị phụ thuộc

1. Công ty có các đơn vị phụ thuộc do Hội đồng quản trị Công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, hoặc chấm dứt hoạt động, bao gồm: Văn phòng đại diện, Chi nhánh, và địa điểm kinh doanh; được tổ chức, quản lý theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật; hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị do Giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

2. Các đơn vị phụ thuộc không có vốn và tài sản riêng, toàn bộ vốn và tài sản của các đơn vị phụ thuộc thuộc sở hữu của công ty. Các đơn vị phụ thuộc thực hiện các hoạt động kinh doanh, tài chính và tiến hành các hoạt động khác theo phân cấp

hoặc ủy quyền của công ty quy định trong Điều lệ này, quy chế của công ty hoặc quy chế hoạt động riêng của đơn vị phụ thuộc do Giám đốc trình Hội đồng quản trị công ty phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của đơn vị phụ thuộc.

3. Văn phòng đại diện của công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại trong phạm vi quy định của pháp luật; có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của công ty; có trụ sở, được mở tài khoản, có con dấu mang tên văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của Công ty.

4. Chi nhánh của Công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động thương mại, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty, kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền; có ngành, nghề kinh doanh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của công ty; tổ chức hạch toán kinh doanh theo phân cấp của công ty và theo quy định của pháp luật; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của công ty.

5. Địa điểm kinh doanh của Công ty là nơi tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh cụ thể theo phân cấp của công ty. Địa điểm kinh doanh của công ty có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính nhưng phải nằm trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi Công ty đặt trụ sở chính. Cơ cấu tổ chức, tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của địa điểm kinh doanh do Hội đồng quản trị Công ty quyết định căn cứ theo quy định của pháp luật.

Điều 58. Quan hệ giữa Công ty với công ty con và doanh nghiệp có vốn góp

1. Quan hệ với công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ (gọi tắt là công ty con):

Công ty là Chủ sở hữu công ty con do công ty đầu tư 100% vốn điều lệ. Hội đồng quản trị thay mặt Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty con theo thẩm quyền của mình hoặc được Đại hội đồng cổ đông công ty chấp thuận.

Thực hiện quyền và trách nhiệm của công ty đối với công ty con theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty và Điều lệ của công ty con.

Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị của công ty sẽ thực hiện các quyền sau đây phụ thuộc vào thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được qui định tại điều lệ công ty đối với công ty con:

a) Quyết định thành lập, vốn điều lệ khi thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; quyết định điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản công ty con;

b) Phê duyệt Điều lệ công ty con khi thành lập; quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ; ban hành quy chế quản lý tài chính của công ty con theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty con;

c) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của công ty con. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Kiểm soát viên của công ty con;

đ) Quyết định hoặc phê duyệt thông qua:

- Phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động từ 50% vốn chủ sở hữu trở lên được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty con tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ty con;

- Từng dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, đầu tư xây dựng, mua tài sản cố định, hợp đồng thuê, cho thuê có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu trở lên được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty con tại thời điểm quyết định đầu tư dự án hoặc quyết định hợp đồng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ty con;

- Phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại từ 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty con tại thời điểm gần nhất với thời điểm thực hiện phương án hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ty con;

e) Quyết định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ công ty con cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của công ty con;

g) Phân cấp cho Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty con quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định lương, thưởng và lợi ích khác đối với Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý điều hành khác của công ty con sau khi được công ty chấp thuận;

h) Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của công ty con;

i) Yêu cầu người đại diện theo pháp luật của công ty con phải cung cấp báo cáo tài chính quý, năm, kế hoạch tài chính chi tiết năm tiếp theo và cung cấp các thông tin cần thiết để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của tổ hợp công ty theo quy định pháp luật và Điều lệ này;

j) Giám sát, kiểm tra, kiểm toán và đánh giá các hoạt động kinh doanh sản xuất, quản lý điều hành, chấp hành pháp luật theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Điều lệ của công ty con;

k) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty con sau khi công ty con hoàn thành giải thể hoặc phá sản theo quy định pháp luật hiện hành;

l) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm và quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty con;

m) Trách nhiệm:

- Đầu tư vốn đúng cam kết; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty con trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty con; trường hợp không đầu tư đủ số vốn đã cam kết thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty con;

- Tuân thủ điều lệ công ty con;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty con và công ty;

- Xác định và tách bạch tài sản của công ty và tài sản của công ty con;

n) Thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ khác quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Điều lệ của công ty con.

2. Quan hệ với công ty do công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần đã phát hành của công ty đó (gọi tắt là doanh nghiệp):

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Điều lệ của doanh nghiệp đó;

b) Trực tiếp quản lý cổ phần, phần vốn góp thông qua một (hoặc nhiều) Người đại diện phần vốn của công ty tại doanh nghiệp đó;

c) Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị của công ty sẽ thực hiện các quyền sau đây phụ thuộc vào thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đối với doanh nghiệp đó:

- Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện phần vốn;

- Kiểm tra, giám sát hoạt động của Người đại diện phần vốn nhằm ngăn chặn, xử lý kịp thời thiếu sót, yếu kém của Người đại diện;

- Giao nhiệm vụ cho Người đại diện phần vốn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty tại doanh nghiệp đó;

- Yêu cầu Người đại diện phần vốn báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của doanh nghiệp đó theo quy chế

quản lý Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác của công ty ban hành;

- Giao nhiệm vụ và yêu cầu Người đại diện phần vốn xin ý kiến công ty về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết ở doanh nghiệp đó, bao gồm: Vấn đề tổ chức, nhân sự quản lý, điều hành của công ty, cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; những vấn đề dẫn đến việc thay đổi tỷ lệ vốn góp của công ty tại doanh nghiệp đó; các dự án đầu tư, định hướng phát triển, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn của công ty; huy động vốn, xử lý tài chính, chia cổ tức; việc sử dụng cổ phần, vốn góp để phục vụ định hướng phát triển, mục tiêu của công ty và các vấn đề khác theo quy chế quản lý Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác của công ty ban hành;

- Thu cổ tức và chịu rủi ro từ vốn góp của công ty tại doanh nghiệp đó;

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng phần vốn của Công ty đã góp vào doanh nghiệp đó theo thẩm quyền được pháp luật quy định;

- Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào doanh nghiệp đó;

- Thông qua người đại diện phần vốn yêu cầu doanh nghiệp đó cung cấp đầy đủ các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết theo quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty;

d) Thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ khác quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và quy chế của công ty.

3. Quan hệ giữa Công ty với doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp khác (công ty liên doanh, liên kết):

Doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp khác là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có cổ phần, vốn góp của công ty bằng hoặc dưới 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại doanh nghiệp đó.

Công ty là chủ sở hữu phần vốn của công ty tại các doanh nghiệp đó. Hội đồng quản trị công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn công ty đầu tư vào các doanh nghiệp này; thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ tương ứng với nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Mọi quan hệ giữa công ty với các công ty con và các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp khác dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập giữa các pháp nhân. Mọi giao dịch, hợp đồng: mua, bán, thuê, cho thuê, vay mượn và chuyển giao tài sản giữa của công ty với các công ty con và doanh nghiệp có vốn góp khác được tiến hành trên cùng cơ sở như các pháp nhân khác theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

5. Hội đồng quản trị chỉ định một hay nhiều người đại diện của Công ty để thực hiện các quyền của Công ty với tư cách là chủ sở hữu đối với công ty con do Công ty đầu tư 100% vốn và quyền của chủ sở hữu phần vốn góp do Công ty đầu tư tại các doanh nghiệp có vốn góp khác phù hợp với quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, Điều lệ các công ty con và các doanh nghiệp có vốn góp.

CHƯƠNG VIII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN

Điều 59. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Công ty không đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục thay đổi loại hình doanh nghiệp;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

d) Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan Trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty.

2. Việc giải thể công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định; trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể thực hiện theo quy định tại các Điều 201, 202, 203, 204 và Điều 205 Luật Doanh nghiệp.

Điều 60. Thanh lý tài sản khi công ty giải thể

1. Điều kiện, trình tự, thủ tục giải thể Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Hội đồng quản trị công ty tổ chức và thực hiện việc thanh lý tài sản trừ trường hợp Đại Hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động hoặc sau khi có một quyết định giải thể công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập ban thanh lý gồm (03) ba thành viên. Trong đó (02) hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và (01) một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của

ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên công ty hoặc chuyên gia độc lập.

3. Xử lý tài sản khi công ty giải thể:

Sau khi thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý tài sản; Tiền thu được từ việc thanh lý tài sản sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý tài sản;
- b) Tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp thôi việc và quyền lợi khác của người lao động theo Thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- d) Các khoản nợ khác của công ty;
- e) Sau khi đã thanh toán hết các khoản tại điểm a, b, c, d và d khoản 2 Điều này, số tiền dư còn lại chia các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông.

Điều 61. Phá sản

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

CHƯƠNG IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 62. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức, số lượng con dấu của công ty 01 (một) con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3. Trước khi sử dụng, công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với Cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 63. Tuân thủ pháp luật

1. Những nội dung không được ghi trong bản Điều lệ này sẽ được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc khi pháp luật có sự thay đổi dẫn đến các quy định của Pháp luật và Điều lệ này mâu thuẫn nhau, thì nội dung đó sẽ thực hiện việc áp dụng theo quy định của Pháp luật hiện hành.

3. Các thành viên trong công ty có các hành vi vi phạm Điều lệ này đều bị xử lý. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, người có hành vi vi phạm các quy định của bản

Điều lệ này sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc chuyển đến Tòa án các cấp xét xử theo luật định.

Điều 64. Công khai thông tin về công ty cổ phần

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hằng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.

3. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem xét hoặc sao chép báo cáo tài chính hằng năm của công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Công ty có nghĩa vụ công khai thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 65. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của công ty hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a) Cổ đông với công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Giám đốc hay Người quản lý, điều hành doanh nghiệp khác;

Thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng, hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là Trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày từ khi có thông báo tranh chấp của một bên, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Tòa án hoặc Trọng tài kinh tế có trụ sở hoặc văn phòng gần trụ sở chính của công ty nhất, theo Quy tắc tổ tụng của Tòa án hoặc Trọng tài kinh tế này.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Án phí tòa án hoặc các chi phí của Trọng tài sẽ do Hội đồng Trọng tài quyết định bên nào phải chịu.

4. Mọi cổ đông có quyền khởi kiện đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong công ty gây ra. Nếu Hội

đồng quản trị bỏ qua, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

5. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp.

Điều 66. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ không được trái với quy định hiện hành của pháp luật, phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét nhất trí thông qua theo tỷ lệ quy định tại Điều lệ này và Điều lệ sửa đổi, bổ sung có hiệu lực từ ngày nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua hoặc từ thời điểm được ghi nhận trong nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 67. Hiệu lực của Điều lệ

1. Bản Điều lệ này gồm IX Chương 67 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Tân Cảng – Đồng Văn Hà Nam nhất trí thông qua ngày 07 tháng 07 năm 2020 tại Trụ sở công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2020.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của công ty.

3. Bản Điều lệ này được lập thành 03 bản, trong đó:

a) 01 bản lưu tại văn phòng Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b) 02 bản lưu tại văn phòng công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu hai (02) thành viên Hội đồng quản trị công ty.

CHỨNG THỰC BẢN SAO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 20-03-2025

Số chứng thực 1759 Quyền số 01 SCT/BS

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



CAO MINH THÀNH



**CÔNG CHỨNG VIÊN
NGUYỄN DUY THANH**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIÁM ĐỐC

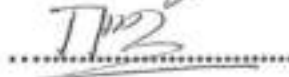
Nguyễn Huy Cường



Nguyễn Minh Hoàn



Trần Việt Đức





Nguyễn Minh Trọng



VIỆT NAM